

Bản án số:114/2018/HS-ST
Ngày: 02/10/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Dương Tấn Đầu

2/ Ông Nguyễn Phước Lộc

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1995, tại: T H, Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp T T, xã Th Tr, huyện T H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh H và bà: Phạm Thị Đ; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 08/12/2017 (có mặt)

2.Nguyễn Hùng C, sinh năm 1993, tại: Cần Thơ; Nơi cư trú: ấp 1, xã Th T, huyện V Th, thành phố Cần thơ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Minh C và bà: Trần Thị Lệ X; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 08/12/2017 (có mặt)

Bị hại: Bà Đoàn Thị Trúc G, sinh năm 1994

Nơi cư trú: ấp S L, xã D T, huyện P Q, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: **Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng VNTV**

Địa chỉ trụ sở: T2, Tòa nhà RT, số L, Đ V B, phường B, quận M, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 06/12/2017 trong lúc uống cà phê thì Nguyễn Văn Q rủ Nguyễn Hùng C đi tìm người nào có sơ hở tài sản để cướp lấy tiền tiêu xài. C điều khiển xe mô tô của Q hiệu Honda, loại Winer 150, biển số kiểm soát 68T1-376.53 chở Q từ ấp S L, xã D T hướng về thị trấn A T, khi đi đến đoạn đường gần dốc C S thì phát hiện chị Đoàn Thị Trúc G có đeo túi xách phía trước. C liền điều khiển xe vượt lên, áp sát phía bên phải chị G và dùng tay trái giật mạnh lấy được túi xách của chị G và tăng ga xe bỏ chạy về nhà trọ S N thuộc ấp S L, xã D T. Khi về đến nơi C và Q kiểm tra túi xách vừa giật được có 7.226.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng và một số giấy tờ khác. C chia cho Q 3.700.000 đồng, C 3.562.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6 plus, còn túi xách Q vứt bỏ phía sau nhà trọ S N. Đến ngày 08/12/2017 C, Q bị phát hiện và bị bắt giữ.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winer, số máy KC26E1044257, số khung 2603GY023707, có gắn biển số 68T1-376.53 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone 6Plus, 16GB, màu vàng, số IMEL 354385063611507, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam: 3.500.000 đồng; 01 túi xách bằng da, màu đen, không nhãn hiệu, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 83/KL-HĐĐG ngày 19/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 6Plus, 16GB, màu vàng, số IMEL 354385063611507, đã qua sử dụng có giá 6.000.000 đồng. Riêng 01 túi xách đen không không thu hồi được nên không định giá.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện P Q.

Bản cáo trạng số:83/CT-VKS ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Hùng C về tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Hùng C về tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 03 đến 04 năm tù; Nguyễn Hùng C từ từ 03 đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: chị Đoàn Thị Trúc G đã được bồi thường và nhận lại tài sản không yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tang vật: đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winer, số

máy KC26E1044257, số khung 2603GY023707, có gắn biển số 68T1-376.53 đã qua sử dụng.

Các bị cáo không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q và có lời nói sau xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định truy tố của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Bị hại Đoàn Thị Trúc G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng VN ThV đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài nên vào khoảng 20 giờ ngày 06/12/2016 Nguyễn Văn Q đã rủ Nguyễn Hùng C đi cướp giật tài sản kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Khi thấy chị G đang điều khiển xe trên đường thì C điều khiển xe áp sát và nhanh chóng dùng tay trái giật túi xách của chị G và bỏ chạy. Tổng tài sản các bị cáo cướp giật được có giá trị là 13.226.000 đồng.

[4] Tại thời điểm phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực để biết được hành vi cướp giật tài sản là nguy hiểm cho xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, ai thực hiện hành vi này đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản tính lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đã dùng xe máy để thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ truy tố các bị cáo với tình tiết dùng thủ đoạn nguy hiểm là hoàn toàn có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra vào ngày 06/12/2017, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc hướng dẫn thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 nên Hội đồng xét xử áp dụng luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm, vì vậy cần phải xử các bị cáo một mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

Bị cáo Q là người rủ bị cáo C đi cướp giật tài sản nên hình phạt của bị cáo sẽ cao hơn bị cáo C

[5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Hội đồng xét xử xem xét cũng như chấp nhận lời đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P Q.

[6] Về trách nhiệm dân sự: chị Đoàn Thị Thu G đã nhận lại điện thoại di động và đã được bồi thường không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winer, số máy KC26E1044257, số khung 2603GY023707, có gắn biển số 68T1-376.53 đã qua sử dụng.

[8] Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng VN Th V có yêu cầu được nhận lại xe mô tô hiệu Honda, loại Winer, số máy KC26E1044257, số khung 2603GY023707, có gắn biển số 68T1-376.53 để thu hồi nợ của Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng VN Th V. Hội đồng xét xử nhận thấy chiếc xe này là phương tiện bị cáo Nguyễn Văn Q dùng vào việc cướp giật tài sản đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội theo quy định tại Điều Điều 41 BLHS, Điều 42 BLHS thì phải tịch thu sung quỹ Nhà nước, nên yêu cầu của Công ty Hội đồng xét xử không chấp nhận. Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng VN Th V có thể khởi kiện vụ án Dân sự yêu cầu bị cáo trả số tiền bị cáo còn nợ, nếu có yêu cầu.

[9] Về án phí: căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 136, điểm b, p khoản 1 và 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Văn Q và Nguyễn Hùng C** phạm tội “Cướp giật tài sản”

Xử phạt **Nguyễn Văn Q 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/12/2017.

Xử phạt **Nguyễn Hùng C 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/12/2017.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winer, số máy KC26E1044257, số khung 2603GY023707, có gắn biển số 68T1-376.53 đã qua sử dụng.

(tang vật trên đã được chuyển giao cho chi cục thi hành án Dân sự huyện P Q theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/7/2018)

3. Về án phí: căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án án (bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện PQ;
- CQTHAHS huyện PQ;
- THA huyện PQ;
- CQCSĐT-CA huyện PQ;
- Bị cáo; bị hại; Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quốc Triều